

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 08/2023/DS-PT.

Ngày: 12/01/2023

V/v: “*Kiện đòi tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừ.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang

Ông Đặng Văn Quyết

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2022/TLPT-DS ngày 07/10/2022 về “*Kiện đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 189/2022/QĐ-PT ngày 24/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 241/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 138/TB-TA ngày 26 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ ***Bị đơn:*** 1. Chị Đặng Thị Nh, sinh năm 1972 (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 208A, phố Thanh Hưng, TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Anh Phạm Văn Sơn, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2021, các lời khai và diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và chị Đặng Thị Nh có mối quan hệ quen biết. Chị làm tổ trưởng tổ vay vốn của Ngân hàng, có biết chị Nh, anh H1 có tiền cho vay lãi nên chị đã nhiều lần vay tiền của chị Nh, anh H1, có những lần vợ chồng chị vay, có những lần vay hộ chị em trong hội để đáo hạn Ngân hàng.

Vào ngày 04/7/2019 đương lịch vợ chồng chị có lập 01 Hợp đồng đặt cọc với chị Đặng Thị Nh, anh Nguyễn Văn H1 tại Văn phòng Công chứng Lục Nam. Nội

dung hợp đồng thỏa thuận vợ chồng chị chuyển nhượng Quyền sử dụng thửa đất diện tích 240m² tại thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang cho chị Nh, anh H1, với giá 550 triệu đồng. Chị Nh, anh H1 đặt cọc cho vợ chồng chị số tiền 500 triệu đồng, chị đưa cho chị Nh anh H1 giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) nhưng hai bên không thực hiện theo Hợp đồng đặt cọc mà Hợp đồng đặt cọc chỉ để làm tin để chị Nh, anh H1 cho vợ chồng chị vay tiền, chị Nh giữ bản chính Hợp đồng đặt cọc.

Sau khi ký hợp đồng đặt cọc xong thì về nhà chị Nh, anh H1 để viết giấy biên nhận vay tiền. Ngay sau đó chị Nh, anh H1 đã giao cho chị 1 lần số tiền 500 triệu đồng và chị viết Giấy biên nhận vay tiền cùng ngày 04/7/2019 dương lịch, hai bên thực hiện theo Giấy biên nhận vay tiền này.

Đến khoảng cuối tháng 8/2019 chị đã thanh toán đủ số tiền 500 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi cho chị Nh, anh H1. Chị Nh đã gạch và bỏ giấy biên nhận vay tiền này.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2019 đến ngày 16/8/2021 chị đã vay của chị Nh, anh H1 nhiều lần tiền, tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/8/2021 là 700 triệu đồng. Lãi suất vay chị Nh lấy từ 1.000 - 2.000 đồng/triệu/ngày.

Do các Giấy biên nhận vay tiền chị Nh đã xé rách nên có giấy còn rõ ngày, tháng, năm vay tiền, có giấy không xem được còn ngày, tháng, năm. Cụ thể 6 giấy vay tiền chị cung cấp chị khẳng định là chữ ký, chữ viết của chị gồm các giấy sau:

1. Giấy vay (BL 47) số tiền 50 triệu đồng
 2. Giấy vay (BL 48) ngày 28/6/2020 vay 150 triệu đồng, đến ngày 01/7/2020 chị trả 50 triệu đồng, còn nợ số tiền 100 triệu đồng.
 3. Giấy vay (BL 49) chị vay 250 triệu đồng
 4. Giấy vay (BL 50) vay 100 triệu đồng
 5. Giấy vay ngày 27/01/2021 (tức 15/12/2020 âm lịch) vay 100 triệu đồng
 6. Giấy vay ngày 24/11/2020 (tức 10/10/2020 âm lịch) vay 100 triệu đồng.
- Tổng 6 giấy vay tiền được đánh số bút lục từ 47 đến 52 là số tiền 700 triệu đồng.

06 lần vay tiền này thì mỗi lần chỉ viết một giấy biên nhận vay tiền nên không có việc trùng với 04 giấy biên nhận vay tiền do chị Nh, anh H1 cung cấp (từ BL 41- 44).

Đến ngày 16/8/2021, chồng chị là anh Phạm Văn Sơn bán thửa đất mà trước đó đã làm Hợp đồng đặt cọc với chị Nh, anh H1 nên anh Sơn đến thanh toán tiền cho chị Nh, anh H1 để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Hôm đó chị bị ốm nên không đi cùng anh Sơn. Khi anh Sơn đi trả tiền thì chị không nói với anh Sơn là đi trả chị Nh, anh H1 bao nhiêu tiền mà chị chỉ nói với anh Sơn là: “Cứ đến đây có viết giấy biên nhận rồi”. Khi đi trả tiền chị Nh, anh H1 còn có anh Phương là em họ của anh Sơn và vợ chồng anh Thêm, chị Liên là người mua đất của chị trực tiếp đi cùng và thanh toán tiền đất cho anh Sơn tại nhà chị Nh, anh H1 để anh Sơn thanh toán tiền nợ chị Nh, anh H1.

Chị Nh, anh H1 yêu cầu anh Sơn thanh toán 1,2 tỷ đồng theo 6 giấy biên nhận vay tiền là 700 triệu đồng và chị Nh nói chưa thanh toán số nợ 500 triệu đồng theo Hợp đồng đặt cọc nên anh Sơn đã bảo anh Thêm ra Ngân hàng rút tiếp tiền để trả chị Nh, anh H1 số tiền 1,2 tỷ đồng. Sau khi thanh toán xong chị Nh, anh H1 đưa cho anh Sơn 6 giấy biên nhận vay tiền mà chị cung cấp cho Tòa án và bản gốc Hợp đồng đặt cọc.

Chị xác định 6 Giấy biên nhận vay tiền do chị cung cấp và 4 Giấy biên nhận vay tiền do chị Nh cung cấp đều là chữ ký, chữ viết của chị. Chị đã vay tiền của chị Nh, anh H1 rất nhiều lần tiền, mỗi lần chỉ viết một Giấy biên nhận vay tiền, đều do chị Nh giữ giấy. Khi chị thanh toán trả tiền thì chị Nh trả lại giấy biên nhận vay tiền và gạch sổ, có lần thì chị Nh xé giấy biên nhận vay tiền, có lần chị trả bằng chuyển khoản nên chị không đến lấy lại giấy vay tiền.

Đối với những giấy biên vay tiền do chị Nh cung cấp (từ BL41-44) chị Nh xé bị rách không còn xem được ngày, tháng, năm so với 6 Giấy biên nhận vay tiền do chị cung cấp (từ bút lục 47-52) thì số tiền trong các Giấy biên nhận vay tiền này không trùng nhau, mỗi giấy một số tiền khác. Chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là đã trả thừa tiền chị Nh, anh H1 mà chị chỉ đề nghị Tòa án yêu cầu Ngân hàng Agribank và ngân hàng MBbank sao kê các giao dịch của chị chuyển tiền cho chị Nh. Chị đã được Tòa án thông báo về việc đã thu thập được tài liệu chứng cứ là các danh sách chuyển tiền của chị đến chị Nh, chị xác định trong danh sách đó có khoản chuyển 50 triệu là trả tiền gốc còn lại là chuyển tiền lãi, nhưng trả tiền gốc và tiền lãi của giấy vay nào thì chị không xác định được.

Đối với việc vay tiền chị Nh, anh H1 vợ chồng chị đã thanh toán xong, không còn vướng mắc gì nên chị không yêu cầu tính lại lãi suất, không yêu cầu giải quyết về hợp đồng vay tài sản.

Nay chị đề nghị Tòa án buộc chị Nh, anh H1 trả lại chị số tiền 500 triệu đồng do chị Nh, anh H1 cố tình lấy thừa của vợ chồng chị vào ngày 16/8/2021 và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 16/8/2021 đến khi xét xử sơ thẩm bằng 20%/năm, tạm tính đến ngày 14/7/2022 là 91.560.000 đồng, tổng là 591.560.000 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh và lãi chậm thi hành án.

Về số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết hết 3.240.000 đồng chị nhất trí chịu, chị không có ý kiến gì.

Bị đơn, chị Đặng Thị Nh và anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt nhưng có lời khai thống nhất trình bày:

Ngày 04/7/2019 dương lịch vợ chồng chị có lập 01 Hợp đồng đặt cọc với chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn Sơn tại Văn phòng Công chứng Lục Nam.

Nội dung hợp đồng thỏa thuận vợ chồng chị H, anh Sơn chuyển nhượng Quyền sử dụng thửa đất, diện tích 240m² tại thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang cho anh chị với giá 550 triệu đồng. Anh chị đặt cọc cho vợ chồng chị H, anh Sơn số tiền 500 triệu đồng và chị H giao cho anh chị Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính. Nhưng thực tế hai bên không thực hiện theo Hợp đồng đặt cọc mà Hợp đồng đặt cọc chỉ để làm tin để anh, chị cho vợ

chồng chị H, anh Sơn vay tiền. Sau khi ký Hợp đồng đặt cọc xong anh, chị không giao tiền cho chị H, anh Sơn ngay mà về nhà anh, chị để viết giấy biên nhận vay tiền, tại đây chị đã đưa cho chị H 500 triệu đồng, chị H là người viết giấy nhận tiền và ký người vay. Ngoài ra chị H đã vay anh, chị rất nhiều lần tiền. Từ ngày 13/8/2020 đến tháng 01/2021 chị H đã vay anh, chị tổng số tiền là 1,2 tỷ đồng bằng 6 giấy vay tiền do chị H cung cấp và 4 giấy vay tiền do chị cung cấp, chị xin xác định lại là do chị cộng nhầm nên quá trình làm việc chị khai là xé rách 1 giấy 70 triệu đồng không lấy lại được nhưng chị xin khai lại là xé mất 1 giấy vay 120 triệu đồng.

Ngày 16/8/202, anh Sơn chồng chị H đã bán thửa đất được ghi trong Hợp đồng đặt cọc với anh, chị và được sự đồng ý của anh, chị. Sau khi bán đất xong anh Sơn cùng anh Phương là em họ của anh Sơn và anh Thêm, chị Liên là người mua đất đến thanh toán trả chị số tiền 1,2 tỷ đồng nên chị đã trả lại cho anh Sơn bản chính Hợp đồng đặt cọc trên và 6 giấy biên nhận vay tiền.

Lý do chị giữ lại 5 giấy biên nhận vay tiền với tổng số tiền 500 triệu đồng là do khi vay tiền chị thì một mình chị H là người đến vay và ký nhận vay tiền, nhưng đến ngày 16/8/2021 thì chỉ có anh Sơn là chồng chị H và những người mua đất của anh Sơn đến thanh toán trả tiền chị nên chị đưa trả anh Sơn 6 Giấy biên nhận vay tiền được đánh số từ (Bút lục từ 47-52) và 01 Hợp đồng đặt cọc (bản chính) tương ứng với số tiền 500 triệu đồng, bằng tổng số tiền tương ứng là 1,2 tỷ đồng mà chị H đã vay chị. Do chị H còn nợ chị khoảng 40 triệu đồng tiền lãi nữa nên chị giữ lại và chị có gọi chị H nhiều lần lên thanh toán nốt tiền lãi để chị trả lại các giấy vay tiền nhưng chị H không lên. Sau đó chị H khởi kiện nên chị đã nộp cho Tòa án toàn bộ giấy vay chị còn giữ, chị không đòi thêm tiền chị H theo những giấy vay này.

5 Giấy biên nhận vay tiền chị giữ lại mà chị đã nộp cho Tòa án, còn lại 4 giấy được đánh số từ 41 đến 44 (1 giấy bị rách 120 triệu đồng) và 6 giấy do chị H cung cấp, thì tổng số tiền chị H vay chị là 1,2 tỷ đồng, mỗi lần vay chị H chỉ viết 1 giấy. Anh, chị khẳng định đã khai hết sự việc và cung cấp hết tài liệu chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ gì khác.

Anh, chị khẳng định không có việc nhận thừa 500 triệu đồng như chị H khởi kiện anh, chị. Việc vay nợ giữa anh, chị và chị H, anh Sơn đã thanh toán xong, không còn vướng mắc gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Phạm Văn Sơn trình bày:

Ngày 16/8/2021 dương lịch anh có cùng anh Phương, anh Thêm và chị Liên đến thanh toán số tiền 1,2 tỷ đồng cho chị Nh, anh H1. Anh có hỏi chị Nh, anh H1 là số tiền 500 triệu đồng vay theo Hợp đồng đặt cọc chị H trả chưa thì chị Nh, anh H1 bảo “chưa trả” nên anh trả 700 triệu đồng theo các Giấy vay tiền và 500 triệu đồng theo khoản vay của hợp đồng đặt cọc. Quá trình chị H vợ anh vay tiền của chị Nh, anh H1 anh đều không biết và không nhận tiền. Việc anh có trả thừa 500 triệu đồng cho chị Nh, anh H1 hay không anh cũng không biết vì anh không biết chị H vay chị Nh, anh H1 bao nhiêu tiền. Nhưng anh khẳng định là khoản vay 500 triệu đồng là vợ chồng anh vay để đáo hạn Ngân hàng nên chỉ 5 ngày đáo hạn xong là

chị H trả ngay, nhưng khi anh H1 bảo chưa thanh toán khoản vay 500 triệu đồng anh vẫn trả, anh không hỏi lại chị H, anh cũng không hiểu vì sao lại như vậy.

Với những nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của BLDS; Điều 24, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H đòi chị Đặng Thị Nh và anh Nguyễn Văn H1 trả tổng số tiền 591.560.000 đồng.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 27.662.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0013413 ngày 25/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Chị H phải nộp tiếp 15.162.400 đồng (Mười năm triệu, một trăm, sáu mươi hai nghìn, bốn trăm đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/7/2022, chị Phạm Thị H kháng cáo bản án, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2]. Xét nội dung tranh chấp thì thấy:

+ Về việc vay và trả tiền:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất thừa nhận chị H có vay của vợ chồng chị Nh, anh H1 700 triệu và đã thanh toán xong. Do đó, HĐXX không xem xét đối với số tiền vay giữa các đương sự.

+ Về hợp đồng đặt cọc, nhận và trả tiền cọc:

Các đương sự đều thừa nhận hợp đồng đặt cọc chỉ để làm tin, bản chất là chị H vay của chị Nh, anh H1 500.000.000đ, chị H đã nhận đủ số tiền này của vợ chồng chị Nh, anh H1.

Chị H khai là đã trả cho vợ chồng chị Nh, anh H1 số tiền đã nhận theo hợp đồng thế chấp là 500.000.000đ. Tuy nhiên, chị H không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh đã trả số tiền trên, cũng không thu lại hợp đồng đặt cọc.

Chị Nh, anh H1 không thừa nhận là chị H đã trả 500.000.000đ đã vay theo hợp đồng đặt cọc. Ngày 16/8/2021, khi anh Sơn thanh toán toàn bộ các khoản tiền vay theo các giấy vay tiền và số tiền 500.000.000đ theo hợp đồng đặt cọc thì vợ chồng chị đã trả lại hợp đồng đặt cọc cho anh Sơn.

Như vậy, chị H thừa nhận đã nhận 500.000.000đ của vợ chồng chị Nh, anh H1 nhưng không chứng minh được là đã trả số tiền trên. Vì vậy chị H phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những nội dung như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu chị Nh, anh H1 phải trả lại số tiền 591.560.000đ là có căn cứ.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, chị H không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3].Về án phí DSPT: Do kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã xử.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013943 ngày 29/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ

